

Ngày 30/09/2025	72,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.3%	13.8%	40.0%

	Q3/25	
ROE	32.3%	+/- YoY ▲ 9.9%

	Q3/25		
DT thuần	458	QoQ ▲ 64.0 ▲ 16.3%	YoY ▲ 129 ▲ 39.3%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	1,237	YoY ▲ 258 ▲ 26.4%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	294	QoQ ▲ 43.0 ▲ 17.2%	YoY ▲ 92.0 ▲ 45.7%
	tỷ VNĐ		

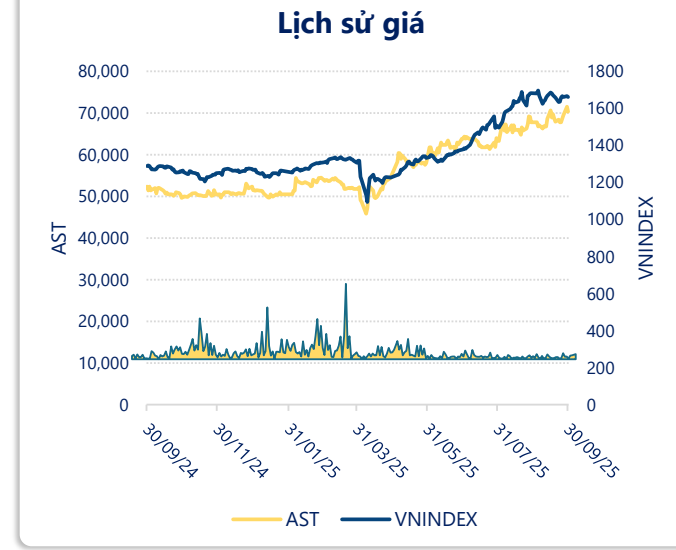
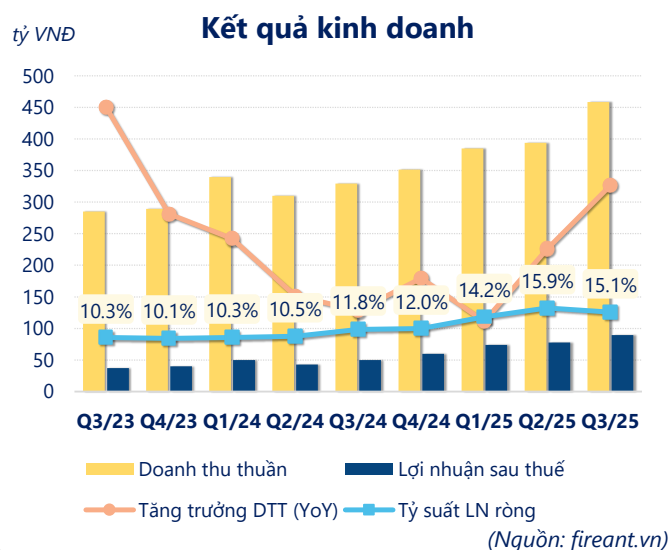
	9T 2025	
LN gộp	788	YoY ▲ 191 ▲ 32.1%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	106	QoQ ▲ 20.7 ▲ 24.9%	YoY ▲ 41.7 ▲ 65.6%
	tỷ VNĐ		

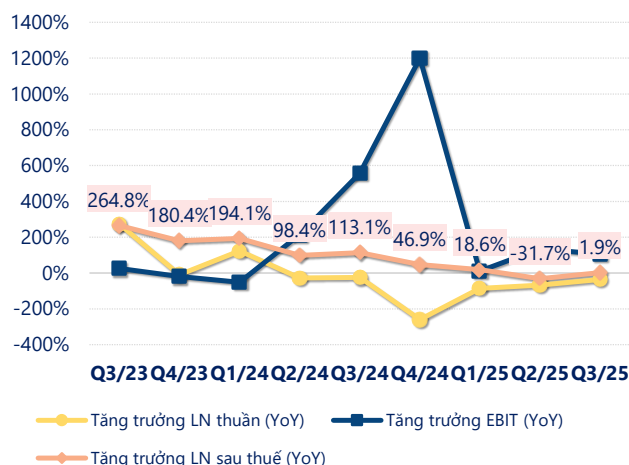
	9T 2025	
LN thuần	281	YoY ▲ 104 ▲ 58.3%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	89.7	QoQ ▲ 12.2 ▲ 15.7%	YoY ▲ 40.1 ▲ 80.8%
	tỷ VNĐ		

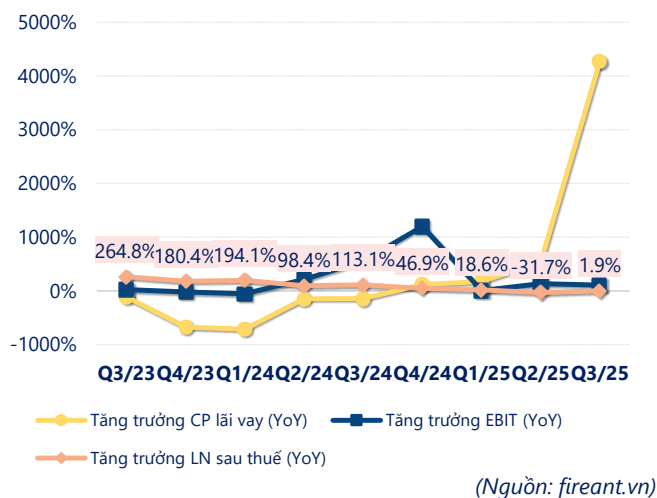
	9T 2025	
LN sau thuế	241	YoY ▲ 98.0 ▲ 68.8%
	tỷ VNĐ	



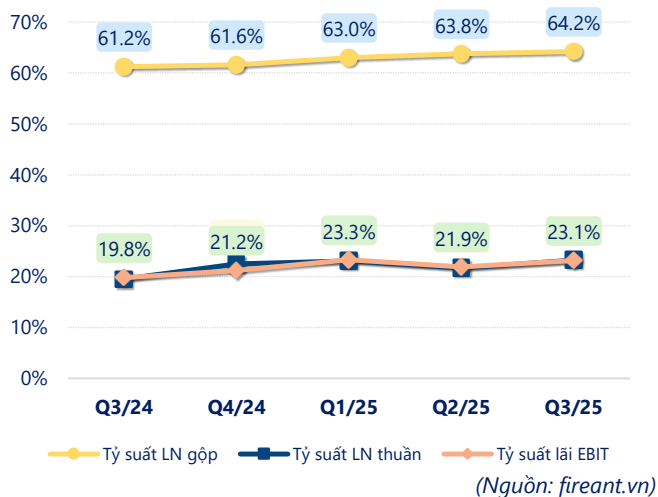
Tăng trưởng lợi nhuận



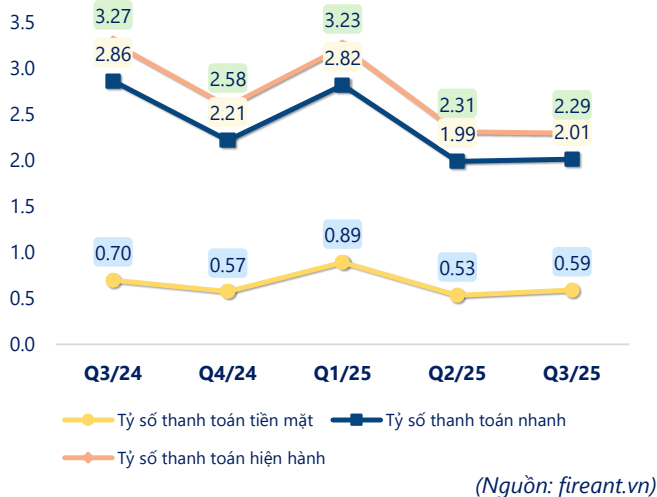
Tăng trưởng chi phí



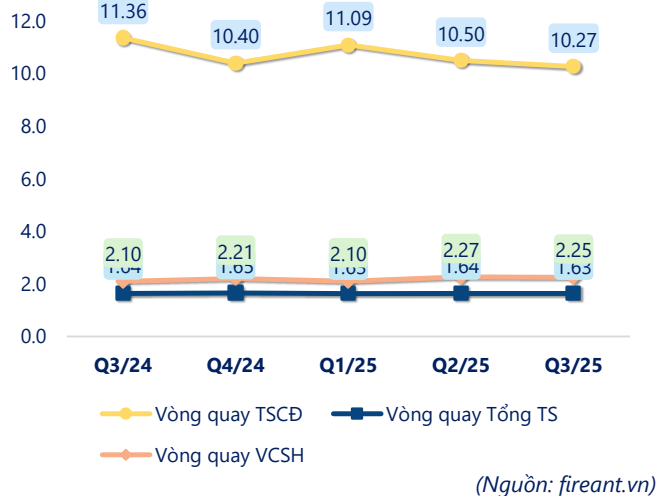
Tỷ suất lợi nhuận



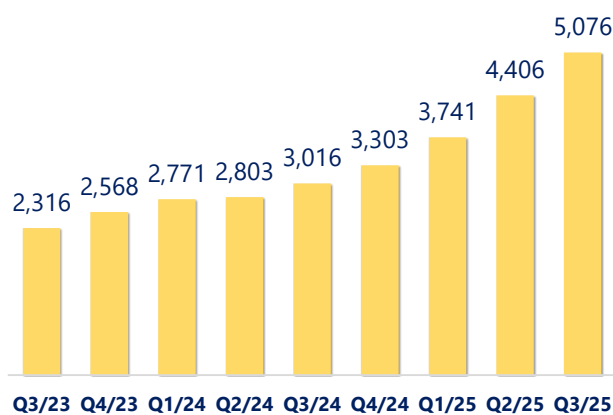
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	458	329	39.3%	1,237	979	26.4%
Giá vốn hàng bán	164	128	28.1%	449	382	17.5%
Lợi nhuận gộp	294	202	45.7%	788	597	32.1%
Doanh thu HĐTC	3.91	4.19	-6.6%	12.0	13.2	-9.4%
Chi phí TC	1.40	1.07	31.0%	2.46	3.49	-29.4%
Chi phí lãi vay	1.21	0.66	84.1%	2.58	1.69	52.8%
LN trong công ty LKLD	6.00	-0.14	4385%	12.4	-3.63	441%
Chi phí bán hàng	140	93.2	50.6%	371	283	31.2%
Chi phí QLDN	55.9	47.1	18.7%	158	143	11.0%
LN thuần từ HĐKD	106	64.3	65.6%	281	177	58.3%
Lợi nhuận khác	-1.76	0.17	-1133%	-1.29	4.81	-127%
LN trước thuế	105	64.4	62.6%	279	182	53.4%
Lợi nhuận sau thuế	89.7	49.6	80.8%	241	143	68.8%
LNST của CĐ cty mẹ	69.1	38.9	77.6%	186	106	75.0%

(Nguồn: fireant.vn)

